

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2 điểm). Anh/ chị hãy giới thiệu ngắn gọn về hai tập thơ *Từ ấy* và *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Câu II (5 điểm). Cùng bộc lộ nỗi nhớ về Tây Bắc, trong bài *Tây Tiến*, Quang Dũng viết:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi*

(*Văn học 12*, Tập một, NXB Giáo dục, 2005, tr.76)

trong bài *Tiếng hát con tàu*, Chế Lan Viên viết:

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!*

(*Văn học 12*, Tập một, NXB Giáo dục, 2005, tr.121)

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ trên.

PHẦN RIÊNG -----Thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 câu: III.a hoặc III.b-----

Câu III.a (3 điểm). Trong tác phẩm *Chữ người tử tù*, vì sao tác giả Nguyễn Tuân lại ví tâm lòng của nhân vật quản ngục như “một thanh âm trong trèo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ”?

Câu III.b (3 điểm). Trong tác phẩm *Một người Hà Nội*, vì sao tác giả Nguyễn Khải lại gọi nhân vật bà Hiền là “hạt bụi vàng của Hà Nội”?

BÀI GIẢI GỢI Ý

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I:

Thơ Tố Hữu gắn bó với cuộc đấu tranh cách mạng nên các chặng đường thơ cũng đồng hành với các giai đoạn cách mạng, thể hiện sự vận động trong tư tưởng và nghệ thuật của nhà thơ.

Tính đến nay, Tố Hữu đã có bảy tập thơ, trong đó *Từ ấy* và *Việt Bắc* là hai tập thơ thời đầu.

“*Từ ấy*” là chặng đường đầu mười năm thơ Tố Hữu (1937–1946). Tập thơ có ba phần: *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng*.

Tâm trạng thể hiện:

- Tiếng reo vui náo nức của người thanh niên say mê lý tưởng tìm gặp ánh sáng cách mạng.
- Tiếng hát chiến đấu, bản quyết tâm thư hành động của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đầy.

– Tiếng ngợi ca thắng lợi của cách mạng, của nền độc lập tự do.

“*Việt Bắc*” là chặng đường thơ trong những năm kháng chiến chống Pháp (1947–1954).

Cái tôi trữ tình của nhà thơ đã hòa nhập vào cái ta chung của cộng đồng dân tộc.

Tập thơ thể hiện hình ảnh quần chúng kháng chiến: anh vệ quốc quân, chị phụ nữ, bà mẹ, em bé... với một nghệ thuật thơ giàu tính dân tộc và đại chúng.

Việt Bắc là bản hùng ca của cuộc kháng chiến chống Pháp: gian lao, anh dũng, thắng lợi.

Việt Bắc kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam.

Việt Bắc thể hiện hồn thơ mang cảm hứng lãng mạn, sử thi anh hùng ca.

Câu II: Với đoạn thơ trong bài thơ "Tây Tiến" của Quang Dũng:

Yêu cầu: – Thể hiện được "nỗi nhớ" thiên nhiên và đoàn binh Tây Tiến.

– Cảm nhận được âm điệu "nhớ thương" về một thời, một vùng đất đã đi qua

Các ý cụ thể:

1. Giới thiệu xuất xứ bài thơ, đoạn thơ:

– Bài thơ ra đời năm 1948, in trong “*Mây đầu ô*” (xuất bản lần đầu 1986).

– Đây là đoạn mở đầu, thể hiện khái quát và tập trung nhất cảm hứng chủ đạo của tác phẩm: Nỗi nhớ về Tây Bắc gắn liền với núi rừng biên giới mà đoàn quân Tây Tiến đi qua.

2. Nỗi nhớ “chơi voi”:

– Nhớ thiên nhiên rừng núi với những nét nổi bật, đặc trưng của Tây Bắc: Sông Mã – dòng sông mang tên một loài ngựa chiến, những địa danh gọi về tên đất tên làng của miền Tây Bắc với những nét đặc trưng của cảnh vật: "*Sài Khao sương lấp*", "*Mường Lát hoa về trong đêm hơi*"...

– Nhớ thiên nhiên là nhớ con người – trước hết là "đoàn quân mới" hiện lên trong những nét bay bổng của cảm hứng trữ tình lãng mạn hào hoa rất đặc trưng của Quang Dũng.

– Nỗi nhớ được thăng hoa trong cảm xúc, bộc lộ bằng lời gọi tha thiết "*Tây Tiến ơi*" và một loạt những vần "*ơi*", tạo âm hưởng "*chơi voi*" của nỗi nhớ, cho thấy nhớ Tây Tiến là nhớ về một hiện thực đã xa, nên có gì hẫng hụt, chơi vơi.

– Biện pháp hoán dụ: "*Sông Mã*" góp phần thể hiện tình cảm thiết tha, gắn bó của nhà thơ với vùng đất Tây Tiến.

– Điệp từ "*nhớ*" kết hợp ngắt nhịp 4/3 càng khắc sâu thêm nỗi lòng của người đã rời xa Tây Tiến.

3. Kết luận :

– Đây là một trong những đoạn thơ hay nhất của bài Tây Tiến.

– Khẳng định đoạn thơ thể hiện khái quát, tập trung nhất cảm hứng chủ đạo của tác phẩm, là khúc nhạc dạo đầu mở tiếp ra những xúc cảm dào dạt của toàn bài thơ.

Với đoạn thơ trong bài "Tiếng hát con tàu" của Chế Lan Viên :

Yêu cầu:

– Thể hiện được "nỗi nhớ" trong cảm xúc suy tư về thiên nhiên và con người Tây Bắc .

– Giải bày cảm xúc, suy tư của nhà thơ về mảnh đất và con người Tây Bắc .

Các ý cụ thể:

1. Giới thiệu xuất xứ bài thơ, đoạn thơ:

– Bài thơ ra đời khoảng năm 1960, in trong "*Ánh sáng và phù sa*" (xuất bản lần đầu 1960)

– Đây là đoạn thơ thuộc phần giữa của tác phẩm, kết cấu theo mô hình đi từ cụ thể đến khái quát, từ cảm xúc đến đúc kết chân lý – một nét đặc trưng của thơ Chế Lan Viên.

2. Nỗi nhớ băng khuâng và suy tư triết lý của nhà thơ :

– Nhớ về thiên nhiên rừng núi với những nét nổi bật : ban sương giăng, đèo mây phủ ... Có thể xem ý thơ này là sự tổng kết hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc được thể hiện trong những đoạn thơ trước.

– Gắn với nỗi nhớ là những hình ảnh rất thực, đầy ấn tượng của miền Tây Bắc .

– Điệp từ " Nhớ " trong câu đầu dồn tụ lại kết thành hai chữ "yêu thương".

– Hình thức câu hỏi tu từ tăng thêm sức khẳng định, có tác dụng đưa tiếng nói của nhà thơ đến với sự rung động trong lòng người đọc.

– Trên nền vững chắc của dòng cảm xúc về thiên nhiên và con người Tây Bắc giàu tình nghĩa, tác giả đi đến một triết lý về mối quan hệ sâu sắc giữa con người với vùng đất đã từng gắn bó với tâm hồn mình, từ đó dẫn đến “phép màu” kỳ diệu trong tâm hồn con người “*đất lạ hóa quê hương*”.

– Bốn dòng thơ vừa đối lập vừa đối xứng tạo nên sự nhịp nhàng của nhạc tính, ngân nga mãi trong lòng người đọc.

3. Kết luận:

– Đây là một trong những khổ thơ để lại nhiều ấn tượng sâu sắc nơi người đọc, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật và hồn thơ Chế Lan Viên.

– Đoạn thơ khái quát được nỗi nhớ sâu sắc về Tây Bắc, “*mảnh đất mười năm kháng chiến*”, đã thắp lên ngọn lửa “*nghìn năm sau còn đủ sức soi đường*”.

– Khổ thơ có kết cấu đặc sắc đi từ hình ảnh cụ thể đến khái quát, từ cảm xúc đến suy tư. Nó là một sự phát hiện đặc sắc về quy luật của tình cảm, tâm hồn con người.

So sánh hai đoạn thơ nói trên:

Cùng nói về nỗi nhớ Tây Bắc nhưng hai nhà thơ có cách biểu hiện khác nhau:

- Nỗi nhớ của Quang Dũng là nỗi nhớ chơi vơi đặc trưng cho phong cách trữ tình lãng mạn, tài hoa của nhà thơ trẻ đất Hà Thành. Đó là nỗi nhớ thấm thiết với cảnh và người mà nhà thơ đã từng gắn bó máu thịt; nỗi nhớ một người đã rời xa; được biểu hiện bằng những từ ngữ gợi hình, gợi cảm, gợi những sắc thái cụ thể của núi rừng Tây Bắc.

- Nỗi nhớ của Chế Lan Viên lại gắn với những suy tư triết lý rất đặc trưng theo kiểu riêng của Chế Lan Viên. Nỗi nhớ ấy nằm trong mạch cảm xúc về ân tình cách mạng “*uống nước nhớ nguồn*”. Chất liệu dệt nên nỗi nhớ, suy tư là những hình ảnh khái quát được thể hiện bằng những ngôn từ giản dị, cô đúc như những định nghĩa, châm ngôn.

Phần riêng ——— Thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 câu : III.a hoặc III.b ———

Câu III a:

Yêu cầu : Làm nổi bật hình tượng người quản ngục trong thế đối lập giữa hoàn cảnh sống và tâm hồn ngưỡng mộ cái đẹp, cho thấy đó là "*một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ*".

Cụ thể có các ý sau :

1. Giới thiệu : Tác giả, tác phẩm và vấn đề cần phân tích.

– Tác giả Nguyễn Tuân : Nhà văn có phong cách tài hoa, uyên bác, luôn gắn bó với cái đẹp, thiên lương.

– *Chữ người tử tù* : là tác phẩm ca ngợi cái đẹp, lòng ngưỡng mộ cái đẹp và sức mạnh của thiên lương. Điều ấy được bộc lộ không chỉ qua hình tượng Huân Cao mà còn ở cả nhân vật viên quản ngục.

2. "... *một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ*" (Phân tích hoàn cảnh sống của viên quản ngục) :

– Làm quan chức trong ngục.

– Nơi quản ngục sống : đề lao – nơi "*người ta sống bằng tàn nhẫn, lừa lọc*".

– Nơi đó, bọn lính ngục đã hành hạ người tù bằng những thói "*tiểu nhân thị oai*".

– Sống trong hoàn cảnh như vậy, con người dễ bị tha hoá, càng ngày càng dễ dần sâu vào bùn lầy.

3. "...*một thanh âm trong trẻo*" : viên quản ngục (phân tích tính cách, tâm hồn viên quản ngục)

– Ông là người biết yêu quý cái đẹp, yêu quý chữ viết đẹp của Huân Cao mà ông xem là báu vật; Ông có sở nguyện cao quý : được treo trong nhà một bức chữ của Huân Cao.

– Đó là tình cảm cao thượng bền bỉ, có ngay từ khi ông "*đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền*", cho đến bây giờ đã là một trung niên "*tóc hoa râm, râu ngả màu*".

– Do yêu quý cái đẹp, ông yêu quý, kính trọng người tạo ra cái đẹp : Huân Cao. Điều đó đã được bộc lộ qua hành vi, suy nghĩ của ông :

+ Ông "*biệt nhỡn liên tài*" đối với Huân Cao.

+ Ông đã "*biệt đãi*" Huân Cao – một người tử tù. Đó là một việc làm không đúng bổn phận của nhà chức trách, có thể nguy hại đến tính mạng bản thân và gia đình.

+ Ông nhún nhường trước người tử tù : bị xua đuổi, không tức giận, lễ phép lui ra với câu nói "*xin lĩnh ý*".

+ Ông mong Huân Cao dịu lại tính nết để ông trình bày sở nguyện xin chữ của Huân Cao.

+ Khi Huân Cao cho chữ, viên quản ngục đã "*khúm núm*" nhận chữ.

+ Được Huân Cao khuyên rời khỏi hoàn cảnh "*hỗn loạn xô bồ*", ông đã chân thành roi lệ và "*bái lĩnh*".

Đó là hình tượng tiêu biểu cho người có lòng yêu quý cái đẹp, cho tấm lòng "*trọng nghĩa liên tài*". Ông là "một đóa sen thơm ngát trong chốn bùn lầy".

Ví tấm lòng của nhân vật quản ngục như "*một thanh âm trong trẻo giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ*", Nguyễn Tuân đã thể hiện sự ngợi ca đối với viên quản ngục, đối với những người biết yêu quý cái đẹp, thiên lương. Cùng với hình tượng Huân Cao, hình tượng viên quản ngục đã góp phần việc thể hiện chủ đề của tác phẩm: Quan niệm của Nguyễn Tuân về cái đẹp và thái độ đối với cái đẹp, sức mạnh của cái đẹp, đồng thời cũng kín đáo bày tỏ tấm lòng yêu nước thầm kín của Nguyễn Tuân.

Câu III b: 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật:

– Nguyễn Khải là một nhà văn có nhiều gắn bó với Hà Nội. Ông yêu mến và nghĩ nhiều về vẻ đẹp của đất kinh kỳ.

– "*Một người Hà Nội*" là khám phá của Nguyễn Khải về vẻ đẹp Hà Nội được thể hiện qua nhân vật bà Hiền – "*hạt bụi vàng của Hà Nội*"

2. Bà Hiền là kết tinh của vẻ đẹp người Hà Nội truyền thống và Hà Nội hôm nay. Điều đó được thể hiện trong hành động và lời nói của nhân vật.

– Bà Hiền là một người phụ nữ xinh đẹp, có phong cách sang trọng, quý phái.

– Có suy nghĩ sâu xa khi xây dựng gia đình.

– Có quan niệm sống và giáo dục con cái một cách đúng đắn, sâu sắc.

– Có niềm tin vào giá trị, sức mạnh của những truyền thống văn hóa tốt đẹp.

– Giữa thời Hà Nội sống trong kinh tế thị trường, bà vẫn giữ cái phong cách của người Hà Nội: phong lưu, nề nếp, văn hóa.

3. Vì sao tác giả gọi nhân vật bà Hiền là "*hạt bụi vàng của Hà Nội*":

– Nguyễn Khải muốn ca ngợi vẻ đẹp của người Hà Nội hào hoa, lịch lãm, truyền thống, tiêu biểu cho nét đẹp văn hóa toàn diện của đất kinh kỳ.

– Hình ảnh bà Hiền đối lập với hình ảnh một số người Hà Nội hôm nay. Qua sự đối lập đó, Nguyễn Khải cũng thể hiện những trăn trở, ưu tư về cách sống, phẩm chất con người Hà Nội trong thời kinh tế thị trường.

– Cùng với hình ảnh "cây si bị đổ", nhà văn bày tỏ niềm tin vào sức sống đẹp đẽ, trường tồn của người Hà Nội.

----- oOo -----

NGUYỄN HỮU DƯƠNG – PHẠM THỊ PHƯƠNG
(Trung tâm Bồi dưỡng văn hóa và Luyện thi đại học Vĩnh Viễn, TP.HCM)